

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,346,883,973,378	3,118,825,508,618
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	77,713,624,459	89,237,664,563
1. Tiền	111		77,713,624,459	89,237,664,563
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		681,051,008,141	802,451,008,141
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	681,051,008,141	802,451,008,141
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,075,719,127,134	713,964,514,286
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	821,575,133,061	555,016,301,366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	167,808,074,429	89,449,131,841
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	88,481,627,770	78,137,244,435
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2,145,708,126)	(8,638,163,356)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1,472,701,761,253	1,454,624,584,803
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1,540,374,841,207	1,509,663,104,281
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(67,673,079,954)	(55,038,519,478)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39,698,452,391	58,547,736,825
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2,734,110,102	4,052,962,667
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35,103,446,038	53,919,551,759
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1,554,136,251	575,222,399
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		306,760,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,365,381,583,168	1,373,138,678,896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,443,185,812	25,058,272,424
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	2,239,724,187	2,045,847,888
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1,203,461,625	23,012,424,536
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,023,635,721,380	1,035,949,139,647
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	905,073,503,364	915,500,248,665
- Nguyên giá	222		1,540,275,920,428	1,460,364,578,367
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(635,202,417,064)	(544,864,329,702)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	118,562,218,016	120,448,890,982
- Nguyên giá	228		130,460,348,381	130,634,567,558
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11,898,130,365)	(10,185,676,576)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		166,809,774,396	134,252,806,600
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	166,809,774,396	134,252,806,600
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1,297,729,978	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	1,297,729,978	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		170,195,171,602	177,878,460,225
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	86,331,484,093	83,287,568,218
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	408,761,944	4,050,170,875
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	83,454,925,565	90,540,721,132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,712,265,556,546	4,491,964,187,514

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,693,553,285,994	2,605,206,164,864
I. Nợ ngắn hạn	310		2,368,818,674,605	2,533,902,252,388
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	195,376,506,147	245,560,157,277
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	17,206,542,684	11,631,558,268
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	24,486,661,088	13,395,750,923
4. Phải trả người lao động	314	V.18	90,521,369,977	70,592,690,941
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	13,177,825,698	18,864,046,674
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	25,538,235,453	37,704,805,919
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1,903,643,793,032	2,035,705,398,842
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	43,100,000,000	43,100,000,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	55,767,740,526	57,347,843,544
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		324,734,611,389	71,303,912,476
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	314,727,859,244	63,546,765,919
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	10,006,752,145	7,757,146,557
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,018,712,270,552	1,886,758,022,650
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,018,712,270,552	1,886,758,022,650
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	924,039,430,000	924,039,430,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		924,039,430,000	924,039,430,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	216,409,744,645	216,409,744,645
3. Quyền chọn chuyên đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		170,981,499	4,596,414,898
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	865,848,820,809	724,868,688,147
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		613,852,104,651	724,868,688,147
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		251,996,716,158	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.26	12,243,293,599	16,843,744,960
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,712,265,556,546	4,491,964,187,514

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2015



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,450,547,610,974	1,693,903,293,104	4,665,925,073,430	4,305,921,820,349
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1,318,463,859	810,025,484	8,686,353,268	2,294,428,935
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,449,229,147,115	1,693,093,267,620	4,657,238,720,162	4,303,627,391,414
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,263,299,794,747	1,405,146,171,049	4,059,269,998,881	3,712,830,137,568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		185,929,352,368	287,947,096,571	597,968,721,281	590,797,253,846
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	71,190,796,491	194,668,423,533	143,816,223,537	209,648,327,584
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	92,051,946,951	13,772,350,405	164,130,869,632	34,523,999,147
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10,253,956,860	9,762,773,490	17,837,108,952	24,145,116,593
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên I	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	61,636,043,525	72,889,502,760	178,877,877,088	185,473,920,960
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	27,248,821,722	25,888,791,136	90,046,617,300	73,462,395,752
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		76,183,336,661	370,064,875,803	308,729,580,798	506,985,265,571
12. Thu nhập khác	31		901,365,738	4,215,330,241	2,782,729,708	5,552,264,609
13. Chi phí khác	32		1,462,209,060	9,426,005,934	4,599,897,131	12,978,356,130
14. Lợi nhuận khác	40		(560,843,322)	(5,210,675,693)	(1,817,167,423)	(7,426,091,521)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75,622,493,339	364,854,200,110	306,912,413,375	499,559,174,050
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.17	15,152,517,311	77,262,996,701	50,878,770,409	104,604,508,929
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	1,348,441,019	3,879,775,965	5,891,014,519	(4,954,578,388)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>59,121,535,009</u>	<u>283,711,427,444</u>	<u>250,142,628,447</u>	<u>399,909,243,509</u>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	60,059,404,694	274,016,876,408	251,996,716,158	375,573,808,350
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(937,869,685)	9,694,551,036	(1,854,087,711)	24,335,435,159
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	4,536	2,727	6,217
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a	4,536	2,727	4,118

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2015


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng


Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		306,912,413,375	499,559,174,050
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11	102,956,601,505	87,483,670,673
- Các khoản dự phòng	03	V.7, 8	13,278,272,914	(15,878,407,679)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	6,911,569,095	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 5	(42,893,143,902)	8,864,333,664
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	17,837,108,952	24,145,116,593
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.14	7,085,795,567	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		412,088,617,506	604,173,887,301
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		123,158,431,032	(296,733,473,205)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(390,220,939,065)	34,243,299,244
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		41,384,555,694	145,694,809,346
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3,213,953,025)	(2,680,249,576)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(3,150,000,000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5, 19	(17,461,717,264)	(24,145,116,593)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(39,374,258,972)	(49,366,746,196)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		63,489,000	72,950,040,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(79,974,487,379)	(14,199,863,059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43,299,737,527	469,936,587,262
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, 11, 12, VII	(150,482,172,979)	(291,746,485,550)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1,457,265,486
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(180,000,000,000)	(620,084,541,947)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		301,400,000,000	156,619,368,903
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(151,054,656,665)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,361,115,556	4,093,889,502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24,721,057,423)	(900,715,160,271)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21a,b	7,226,857,760,401	3,945,582,445,335
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21a,b	(7,164,415,746,612)	(3,274,946,021,882)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, 25	(92,367,661,075)	(165,409,164,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29,925,647,286)	505,227,258,953
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(11,346,967,182)	74,448,685,944
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	89,237,664,563	73,328,912,771
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(177,072,922)	338,170,692
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	77,713,624,459	148,115,769,407

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2015

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính Công ty là: Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong kỳ, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang với tỷ lệ góp vốn là 100% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang là xây dựng vùng nuôi thủy sản và cung cấp nguyên liệu cho Công ty mẹ.

Mua thêm vốn góp tại công ty con

Ngày 09 tháng 3 năm 2015, Tập đoàn đã mua thêm 0,94% vốn của Công ty TNHH một thành viên thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 100% từ ngày này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty TNHH một thành viên thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang (không bao gồm lợi thế thương mại) tại ngày mua là 292.271.156.875 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 3.382.611.404 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã bán 85% cổ phần tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ). Do chỉ còn nắm giữ 15% quyền biểu quyết nên Tập đoàn không còn kiểm soát công ty này. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ở khoản mục “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” theo giá gốc.

Tài sản và nợ phải trả của công ty con tại ngày thoái vốn như sau:

Tài sản

Tiền và các khoản tương đương tiền

66.456.631.361

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

374.672.051.456

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trả trước cho người bán ngắn hạn	849.840.000
Phải thu ngắn hạn khác	909.035.605
Hàng tồn kho	359.509.202.139
Chi phí trả trước dài hạn	1.784.614.497
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	144.258.003
Tài sản cố định hữu hình	22.478.269.063
Phải thu dài hạn khác	21.808.962.911
Nợ phải trả	
Phải trả người bán ngắn hạn	(826.432.894.273)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(1.526.175.603)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(7.236.565.004)
Tài sản thuần	13.417.230.155
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-
Tài sản thuần của Tập đoàn	13.417.230.155
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng	85%
Tài sản thuần chuyển nhượng	11.404.645.632

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Áp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	99,3%	99,3%	99,3%	99,3%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	Chưa hoạt động	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang	Áp Mùa Xuân, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Chưa hoạt động	100%	-	100%	-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	85%	85%	85%	85%
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Áp Đông Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	100%	99,06%	100%	99,06%
Công ty Octogone Holdings Pte Ltd	No.3 Raffles Place #06-01 Buiiding, Singapore 048617	Mua bán, xuất nhập khẩu thủy hải sản	100%	100%	100%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chủ yếu bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi Công ty con chính thức đi vào hoạt động.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty con chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi Công ty con bắt đầu đi vào hoạt động.

Công cụ, dụng cụ và chi phí khác tại vùng nuôi

Các công cụ, dụng cụ và chi phí khác tại vùng nuôi được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong ứng với thời gian thuê.

Chi phí đào ao, xây dựng cồn

Chi phí đào ao, xây dựng cồn là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để xây dựng hệ thống cồn và ao nuôi trồng thủy sản. Chi phí đào ao, xây dựng cồn được phân bổ từ 2 năm đến 9 năm.

Chi phí gia cố ao nuôi

Chi phí gia cố ao nuôi là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để gia cố các công trình ao hồ nuôi trồng thủy sản. Chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ từ 2 năm đến 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	05 - 25

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất và quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn bao gồm:

Dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

Tăng, giảm số dư dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.664.736.238	5.227.149.437
Tiền gửi ngân hàng	71.048.888.221	84.010.515.126
Cộng	<u>77.713.624.459</u>	<u>89.237.664.563</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 508.800.000.000 VND đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong kỳ Tập đoàn đã bán 85% cổ phần tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ), chỉ còn nắm giữ 15% vốn công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn USA	609.503.557.203	-
H & N	-	118.416.810.130
Maritime Products International	-	76.705.230.525
Các khách hàng khác	212.071.575.858	359.894.260.711
Cộng	<u>821.575.133.061</u>	<u>555.016.301.366</u>

Một số khoản phải thu khách hàng có giá trị khoản 196.437.500.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	4.500.000.000	4.500.000.000
Các cá nhân có liên quan với thành viên chủ chốt	4.500.000.000	4.500.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	163.308.074.429	84.949.131.841
Ông Trần Văn Xuồng	14.336.038.000	15.664.600.000
Các nhà cung cấp khác	148.972.036.429	69.284.531.841
Cộng	<u>167.808.074.429</u>	<u>89.449.131.841</u>

5. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho vay thời hạn vay là 30 tháng.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.243.961.402	-	905.270.466	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	681.007.500	-	485.771.094	-
Ban điều hành – Tạm ứng	562.953.902	-	419.499.372	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	87.237.666.368	-	77.231.973.969	-
Tạm ứng	44.307.736.213	-	43.356.508.993	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	28.762.456.213	-	10.287.401.389	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.167.473.942	-	23.588.063.587	-
Cộng	<u>88.481.627.770</u>	-	<u>78.137.244.435</u>	-

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	(8.638.163.356)
Trích lập dự phòng bổ sung	(643.712.438)
Giảm do bán công ty con	7.136.167.668
Số cuối kỳ	<u>(2.145.708.126)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường		-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	79.332.850.011	(5.230.827.501)	107.132.569.320	(8.576.287.237)
Công cụ, dụng cụ	7.912.722.028	-	6.087.445.381	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	835.108.900.861	-	698.479.229.636	-
Thành phẩm	617.942.923.955	(62.442.252.453)	674.249.388.095	(46.462.232.241)
Hàng hóa	77.444.352	-	3.537.000	-
Hàng gửi đi bán	-	-	23.710.934.849	-
Cộng	1.540.374.841.207	(67.673.079.954)	1.509.663.104.281	(55.038.519.478)

Một số thành phẩm trong kho có giá trị là 196.473.500.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	(55.038.519.478)
Trích lập dự phòng bổ sung	(12.634.560.476)
Số cuối kỳ	(67.673.079.954)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.561.011.999	1.200.833.149
Tiền thuê ao nuôi	-	-
Chi phí bảo hiểm	-	1.784.614.497
Chi phí san lấp ao	1.173.098.103	1.067.515.021
Cộng	2.734.110.102	4.052.962.667

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác vùng nuôi	39.787.900.763	39.102.190.652
Tiền thuê đất	935.086.458	6.872.290.002
Chi phí thành lập, trước hoạt động	6.123.858.866	8.649.929.783
Chi phí đào ao, xây dựng cồn	19.585.588.671	17.353.039.791
Chi phí gia cố ao nuôi	-	3.419.266.677
Các chi phí trả trước dài hạn khác	19.899.049.335	7.890.851.313
Cộng	86.331.484.093	83.287.568.218

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	631.258.016.031	757.879.231.871	44.723.879.716	6.646.543.590	19.856.907.159	1.460.364.578.367
Tăng trong kỳ	41.636.498.882	65.521.149.129	6.999.389.984	1.480.439.372	-	115.637.477.367
Mua sắm mới	25.401.692.924	30.539.186.000	6.841.232.261	1.461.887.473	-	64.243.998.658
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	14.024.308.562	31.765.048.106	-	-	-	45.789.356.668

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Tăng do điều chỉnh	2.210.497.396	3.216.915.023	158.157.723	18.551.899	-	5.604.122.041
Giảm trong kỳ	(29.788.040.134)	(3.413.708.994)	(1.471.046.058)	(1.053.340.120)	-	(35.726.135.306)
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.413.708.994)	-	(209.495.529)	-	(3.623.204.523)
Giảm do bán Công ty con	(29.788.040.134)	-	(1.471.046.058)	(843.844.591)	-	(32.102.930.783)
Số cuối kỳ	643.106.474.779	819.986.672.006	50.252.223.642	7.073.642.842	19.856.907.159	1.540.275.920.428

Trong đó:

Khấu hao hết nhưng còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	161.405.678.546	356.297.995.043	13.484.210.635	4.072.705.915	9.603.739.563	544.864.329.702
Khấu hao trong kỳ	41.375.917.859	52.959.414.953	4.322.016.389	691.193.340	1.621.228.998	100.969.771.539
Giảm trong kỳ	(7.819.358.081)	(797.526.928)	(980.698.151)	(1.034.101.017)	-	(10.631.684.177)
Thanh lý, nhượng bán	-	(797.526.928)	-	(209.495.529)	-	(1.007.022.457)
Giảm do bán Công ty con	(7.819.358.081)	-	(980.698.151)	(824.605.488)	-	(9.624.661.720)
Số cuối kỳ	194.962.238.324	408.459.883.068	16.825.528.873	3.729.798.238	11.224.968.561	635.202.417.064

Giá trị còn lại

Số đầu năm	469.852.337.485	401.581.236.828	31.239.669.081	2.573.837.675	10.253.167.596	915.500.248.665
Số cuối kỳ	448.144.236.455	411.526.788.938	33.426.694.769	3.343.844.604	8.631.938.598	905.073.503.364

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 192.299.233.072 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	129.759.682.788	874.884.770	130.634.567.558
Mua sắm mới	-	100.157.000	100.157.000
Phân loại lại	(274.376.177)	-	(274.376.177)
Số cuối kỳ	129.485.306.611	975.041.770	130.460.348.381

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	9.529.599.836	656.076.740	10.185.676.576
Khấu hao trong kỳ	1.923.455.386	63.374.580	1.986.829.966
Phân loại lại	(274.376.177)	-	(274.376.177)
Giảm do bán Công ty con	-	-	-
Số cuối năm	11.178.679.045	719.451.320	11.898.130.365

Giá trị còn lại

Số đầu năm	120.230.082.952	218.808.030	120.448.890.982
Số cuối năm	118.306.627.566	255.590.450	118.562.218.016

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 54.022.051.692 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	84.118.041.065	51.197.617.995	(54.470.352.778)	(5.085.612.356)	75.759.693.926
XDCB dở dang	50.134.765.535	87.445.343.379	(37.476.262.497)	(9.053.765.947)	91.050.080.470
<i>Chi phí cho các ao nuôi cá</i>	<i>128.893.097</i>	<i>17.486.773.494</i>	<i>(11.724.553.180)</i>	<i>(866.765.236)</i>	<i>5.024.348.175</i>
<i>Công trình xây dựng nhà xưởng (Vĩnh Hoàn 5)</i>	<i>40.281.275.205</i>	<i>47.313.026.090</i>	<i>(22.059.246.224)</i>	-	<i>65.535.055.071</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>9.724.597.233</i>	<i>22.645.543.795</i>	<i>(3.692.463.093)</i>	<i>(8.187.000.711)</i>	<i>20.490.677.224</i>
Cộng	134.252.806.600	138.642.961.374	(91.946.615.275)	(14.139.378.303)	166.809.774.396

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (lãi nội bộ). Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	4.050.170.875
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(3.641.408.931)
Số cuối kỳ	408.761.944

14. Lợi thế thương mại

	Nguyên giá	Số đã phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	94.477.274.225	3.936.553.093	90.540.721.132
Phân bổ trong kỳ		7.085.795.567	
Số cuối kỳ	94.477.274.225	11.022.348.660	83.454.925.565

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	-	276.588
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Các nhà cung cấp khác nước ngoài	195.376.506.147	245.559.880.689
Cộng	195.376.506.147	245.560.157.277

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Trả trước của các khách hàng khác.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Thoái vốn tại công ty con	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	(54.390.214)	2.003.372.508	(1.640.777.433)	-	308.204.861	-
Thuế xuất, nhập	-	(520.832.185)	1.544.235.351	(2.577.539.417)	-	-	(1.554.136.251)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Thoái vốn tại công ty con	Phải nộp	Phải thu
khấu							
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.010.708.899	-	50.878.770.409 (39.374.258.972)		144.258.003	23.659.478.339	
Thuế thu nhập cá nhân	1.385.042.024	-	6.886.235.584 (7.752.299.720)			518.977.888	-
Thuế nhà đất	-	-	2.321.004.325 (2.321.004.325)		-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	352.756.918 (352.756.918)		-	-	-
Cộng	13.395.750.923	(575.222.399)	63.986.375.095	(54.018.636.785)	144.258.003	24.486.661.088	(1.554.136.251)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm gồm:

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	40.209.831.317
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	10.668.939.092
Cộng	50.878.770.409

18. **Phải trả người lao động**
Tiền lương phải trả.

19. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Các cá nhân có liên quan với thành viên chủ chốt - Chi phí thuê	-	151.346.792
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân</i>	13.177.825.698	18.712.699.882
Chi phí lãi vay phải trả	447.297.141	71.905.453
Chi phí vận chuyển	-	3.154.890.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	12.730.528.557	15.485.904.429
Cộng	13.177.825.698	18.864.046.674

20. **Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	609.146.464	10.900.435.180
Cổ tức phải trả	89.235.750	52.953.825
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	24.839.853.239	26.751.416.914
Cộng	25.538.235.453	37.704.805.919

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

21. **Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**

- 21a. **Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾	217.870.945.155	217.870.945.155	347.756.277.859	347.756.277.859
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	1.456.605.193.968	1.456.605.193.968	1.528.475.299.894	1.528.475.299.894
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	229.167.653.909	229.167.653.909	159.473.821.089	159.473.821.089
Cộng	1.903.643.793.032	1.903.643.793.032	2.035.705.398.842	2.035.705.398.842

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh V10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; quyền sử dụng đất và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh V.2a, V.10 và V.11).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh V.3 và V.8).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	2.035.705.398.842
Số tiền vay phát sinh	6.975.129.901.157
Chênh lệch tỷ giá	56.677.473.726
Số tiền vay đã trả	(7.163.868.980.693)
Số cuối kỳ	1.903.643.793.032

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2. Lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do bên cho vay công bố + biên độ cố định 3,6%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay áp dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do bên cho vay công bố từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2.

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án đầu tư Nhà máy sản xuất collagen, genlatin từ da cá tra. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở + margin, nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo qui định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2014 do bên cho vay công bố trong từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của Nhà máy sản xuất collagen, genlatin.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án nhà máy thủy sản Vạn Đức Tiền Giang giai đoạn 2, thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn nợ gốc là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Và dự án mở rộng nhà máy sản xuất bột cá, thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn nợ gốc là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	63.546.765.919
Số tiền vay phát sinh	251.727.859.244
Số tiền vay đã trả	(546.765.919)
Số cuối kỳ	<u>314.727.859.244</u>

Tập đoàn không có các khoản vay ngân hàng quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	57.347.843.544
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	20.012.814.000
Tăng khác	954.489.000
Chi quỹ	(22.547.406.018)
Số cuối kỳ	<u>55.767.740.526</u>

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tạm thời chịu thuế (hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư công ty con). Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	7.757.146.557
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	2.249.605.588
Số cuối kỳ	<u>10.006.752.145</u>

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

25b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.403.943	92.403.943
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 20.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 08 tháng 5 năm 2015.

Ngoài ra Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2015 cho các cổ đông với số tiền là 92.403.943.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 6 năm 2015.

26. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

Số đầu năm	16.843.744.960
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(1.854.087.711)
Giảm khác do Tập đoàn mua lại phần vốn của cổ đông không kiểm soát	(2.746.363.650)
Số cuối kỳ	<u>12.243.293.599</u>

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

27a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.967.198,73	3.547.063,25
Euro (EUR)	6.749,69	638,17
Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY)	3.436,00	3.436,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	215.444.226.707	265.172.238.839
Doanh thu bán thành phẩm	3.744.673.395.090	3.487.308.504.195
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.328.549.245	15.862.160.017
Doanh thu bán nguyên vật liệu	37.955.184.729	45.945.024.765
Doanh thu bán phụ phẩm	666.523.717.659	491.633.892.
Cộng	<u>4.665.925.073.430</u>	<u>4.305.921.820.349</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức số tiền là 1.099.065.968 VND

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	8.355.233.067	2.205.600.484
Giảm giá hàng bán	331.120.201	88.828.451
Cộng	8.686.353.268	2.294.428.935

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	197.549.863.694	243.761.955.872
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.119.470.525.059	3.005.690.063.105
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	38.236.684.953	42.687.790.853
Giá vốn của phụ phẩm	689.311.281.407	436.568.735.417
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.701.643.768	(15.878.407.679)
Cộng	4.059.269.998.881	3.712.830.137.568

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	38.338.152.047	7.365.142
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	254.312.706	292.741.972
Lãi tiền cho vay	193.876.299	4.770.444.162
Lãi đầu tư ứng trước tiền mua nguyên liệu	4.361.115.556	2.213.035.667
Lãi bán hàng trả chậm	-	1.873.488.693
Lãi bán công ty con	-	182.894.483.002
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.795.740.448	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	93.873.026.481	17.596.768.946
Cộng	143.816.223.537	209.648.327.584

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17.837.108.952	24.145.116.593
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.707.309.543	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	131.885.513.098	10.378.882.554
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	700.938.039	-
Cộng	164.130.869.632	34.523.999.147

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.054.483.313	6.119.444.182
Chi phí vật liệu, bao bì	882.340.664	6.918.371.313
Chi phí khấu hao tài sản cố định	113.594.947	148.137.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.595.558.424	113.902.205.417
Các chi phí khác	90.231.899.740	58.385.762.175
Cộng	178.877.877.088	185.473.920.960

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	32.523.882.193	31.344.432.353
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.548.600.246	2.269.071.606
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.879.459.352	8.496.519.095
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	7.085.795.567	-
Thuế, phí và lệ phí	608.808.505	2.273.029.933
Các chi phí khác	24.400.071.437	29.079.342.765
Cộng	90.046.617.300	73.462.395.752

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	251.996.716.158	375.573.808.350
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và suy giảm	251.996.716.158	375.573.808.350
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	92.403.943	60.403.953
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.727	6.217

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, các Giám đốc bộ phận, kế toán trưởng) của Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có phát sinh giao dịch nào khác ngoài mua nguyên vật liệu và thuê ao của các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt với số tiền là 30.801.614.810 VND.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức là công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>
Mua hàng hóa, dịch vụ	610.225.064
Phí dịch vụ	504.194.076
Ủy thác xuất khẩu	681.007.500
Nhân ủy thác xuất khẩu	832.104.900


Công nợ với các bên liên quan khác


Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2015




Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng


Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	614,049,130,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	4,233,565,274	696,016,171,067	1,467,893,650,986
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	1,977,900,000	-	-	-	375,573,808,350	1,977,900,000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	(10,000,000,000)	375,573,808,350
Trích quỹ trong kỳ trước	-	-	-	-	(90,309,244,500)	(10,000,000,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(90,309,244,500)	(90,309,244,500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	89,742,940	-	89,742,940
Số dư cuối kỳ trước	616,027,030,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	4,323,308,214	971,280,734,917	1,745,225,857,776
Số dư đầu năm nay	924,039,430,000	216,409,744,645	-	4,596,414,898	724,868,688,147	1,869,914,277,690
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	251,996,716,158	251,996,716,158
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	(20,012,814,000)	(20,012,814,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(92,403,943,000)	(92,403,943,000)
Kết chuyển lãi thoái vốn Công ty con thành đầu tư khác đã ghi nhận các năm trước	-	-	-	-	(419,414,970)	(419,414,970)
Kết chuyển chênh lệch giá mua và tài sản thuần khi đầu tư thêm vốn Công ty con	-	-	-	-	(636,247,753)	(636,247,753)
Giảm chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo các năm trước	-	-	-	(4,425,433,399)	2,455,836,227	(1,969,597,172)
Số dư cuối kỳ	924,039,430,000	216,409,744,645	-	170,981,499	865,848,820,809	2,006,468,976,953

(Signature)

(Signature)



(Signature)

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc